TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST Ngày: 23-8-2018 V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Thanh Mai.

2. Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Anh **Nguyễn Mạnh C,** sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã S, huyện V T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã S, huyện V T, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay : chơnansi, sopuccu, ípchangmiên, ipchangsi, chang 1 kin 5, Korea.

(Anh C có mặt; chị Hcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất

trình nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh C trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày 29/4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Cũng trong năm 2010, anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2012, anh C hết hạn hợp đồng về nước thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Năm 2015, chị Hiên về nước nghỉ phép, trên đường từ Nhật Bản trở về Việt Nam có dừng lại ở Hàn Quốc, chị H nhờ người ra đón và ở lại Hàn Quốc từ đó đến nay. Từ năm 2010 đến nay anh C và chị H có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng cũng chỉ xảy ra cãi vã. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc, anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn chị Trần Thị H.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị H không có con chung.

Về quan hệ tài sản : Anh C và chị H không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai và đơn đề nghị đề ngày 16/6/2018 gửi về Tòa án, bị đơn là chị Trần Thị H trình bày và có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện kết hôn với nhau , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song An ngày 29/4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Đến năm 2013, chị H đi lao động tại Nhật Bản. Năm 2015, chị H nghỉ phép về nước thăm gia đình, trên đường về máy bay có quá cảnh ở sân bay Hàn Quốc, chị H đã nhờ người nhà ra đón và trốn ở lại cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc từ đó đến nay. Từ khi sinh sống tại Hàn Quốc, chị H và anh C có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng cũng chỉ xảy ra cãi vã. Nay anh C xin ly hôn, chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, nên đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh C không có con chung.

Về quan hệ tài sản : Chị H và anh C không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ

vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh C được ly hôn chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về việc xuất nhập cảnh của chị H. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh C và chị H là hợp pháp. Vợ chồng anh C và chị H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân do tính tình không hợp và không tìm được tiếng nói chung về quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến cãi , chửi nhau. Vợ chồng đã không quan tâm và đã bỏ mặc nhau khi chị H bỏ trốn ở lại Hàn Quốc từ năm 2015 đến nay. Anh C xin ly hôn, chị H cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh C và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh C được ly hôn chị Hiên là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh C và chị H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh C và chị H đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung , không vay nợ chung và cho vay nợ chung , không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H không có con chung.

3. Về quan hệ tài san: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí**:** Anh Nguyễn Mạnh Cphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008814 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa , có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa , có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã S, huyện V T, tỉnh Thái Bình(Nơi ĐKKH);*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thái Hà